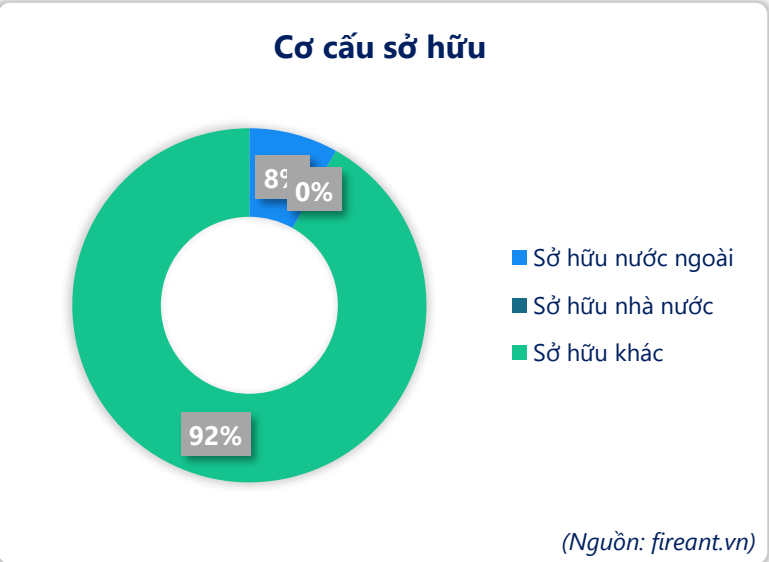
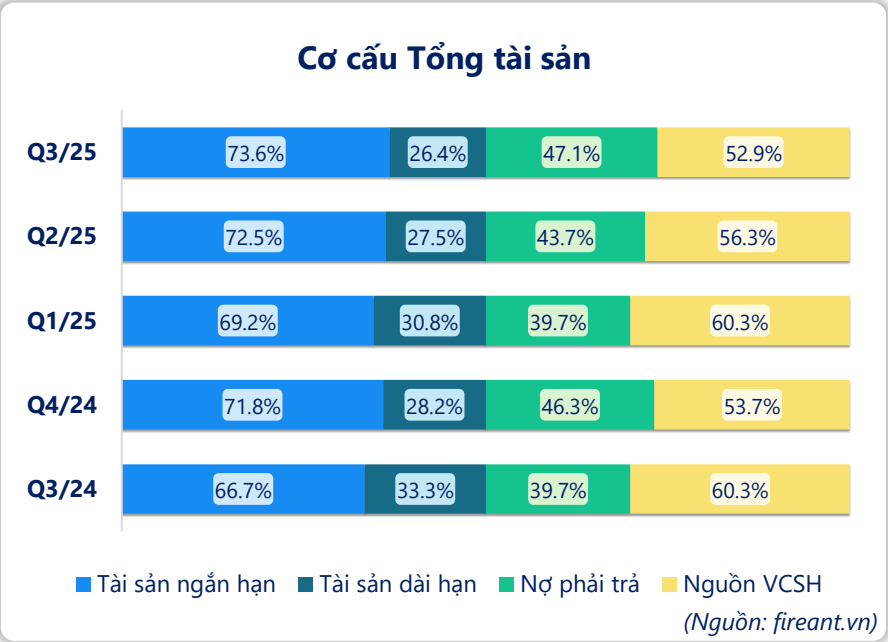
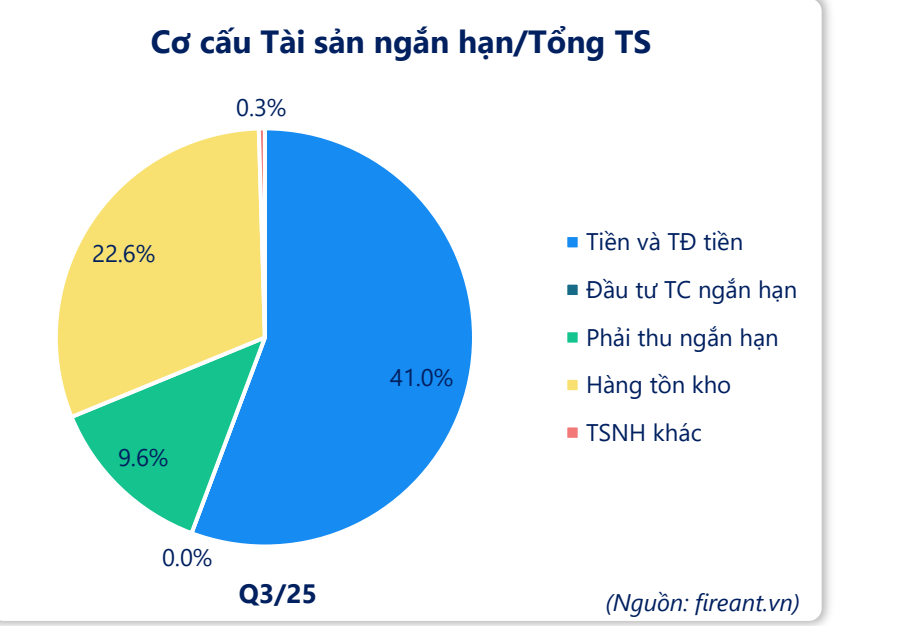
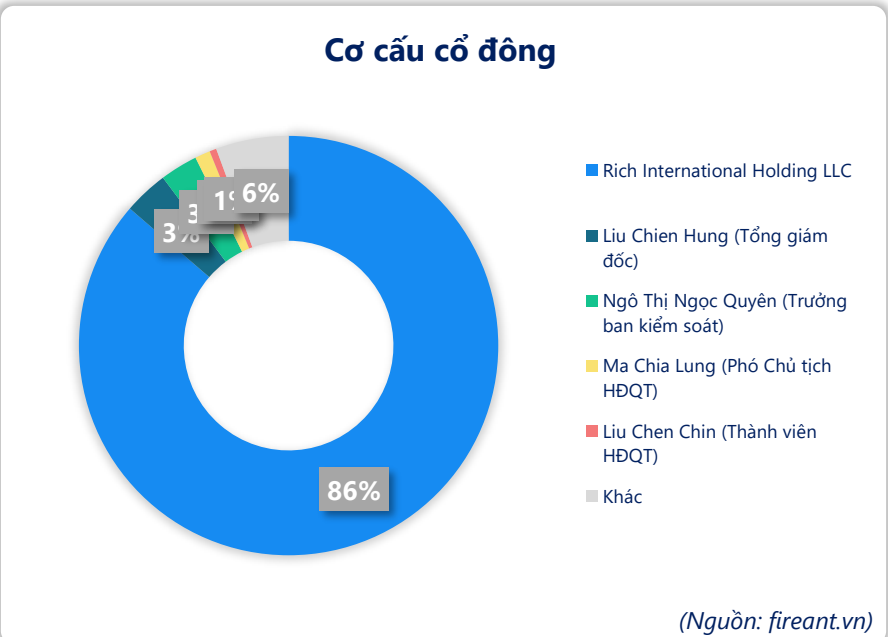
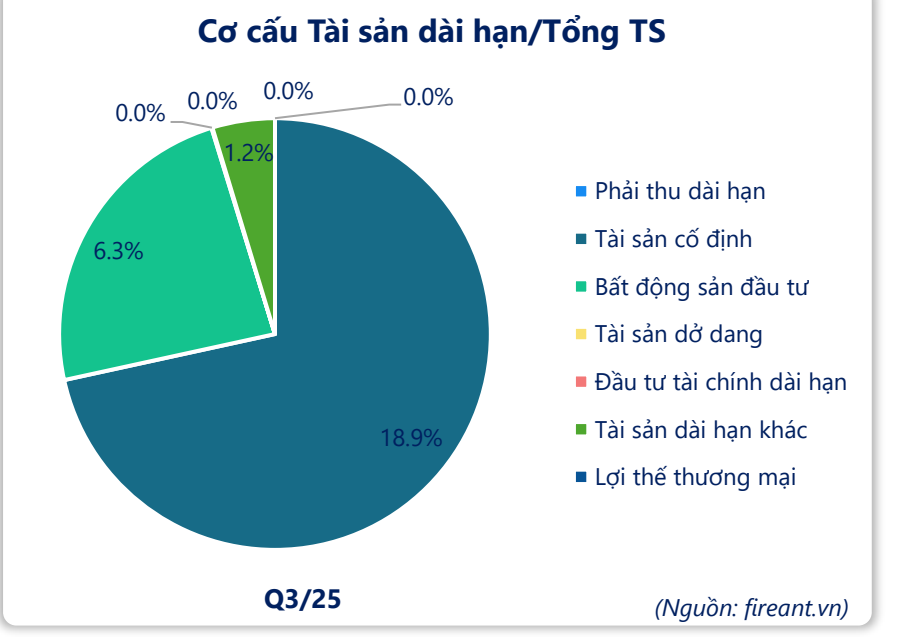
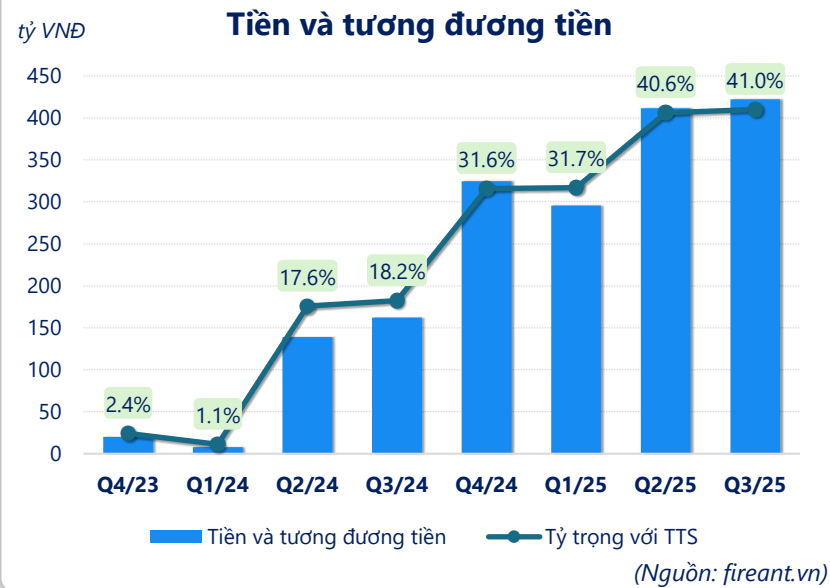
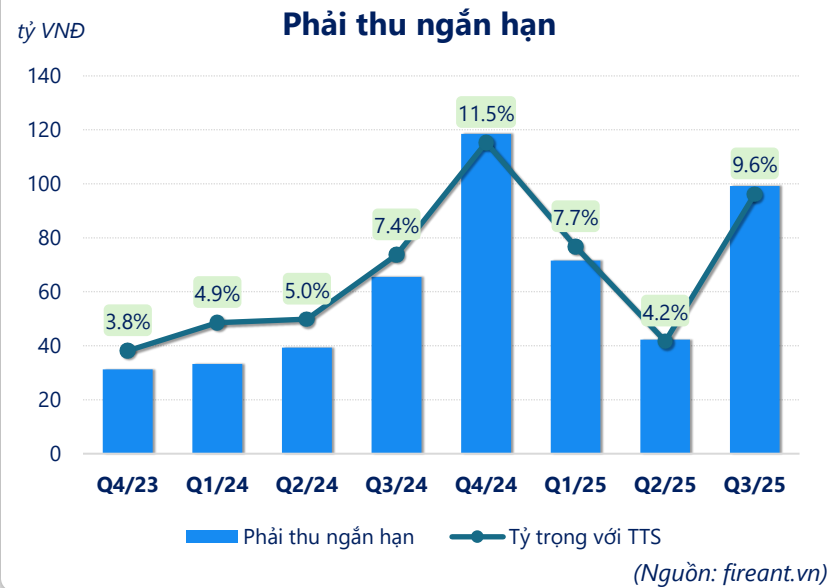
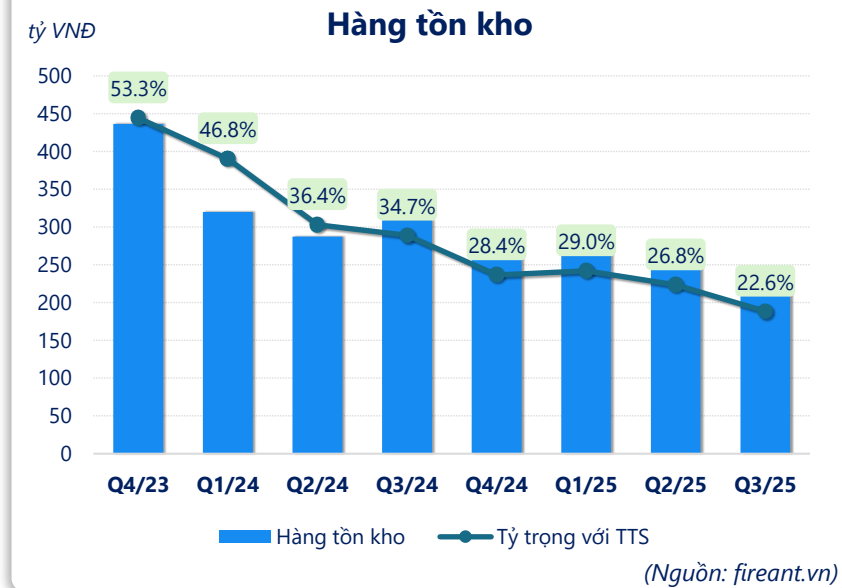
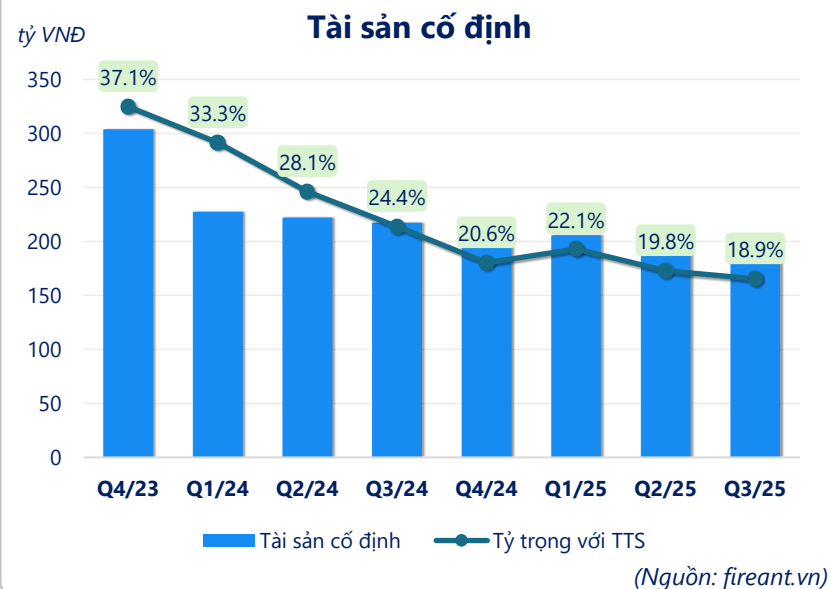
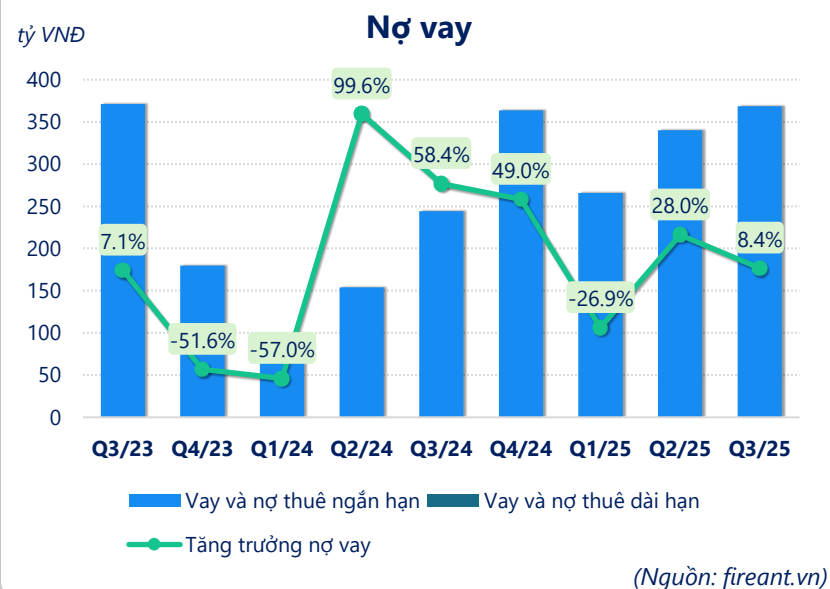
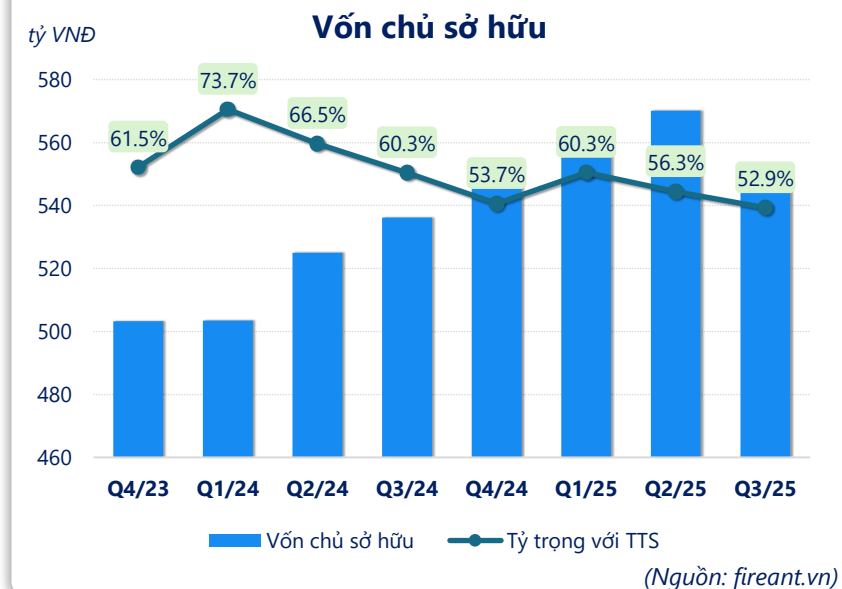
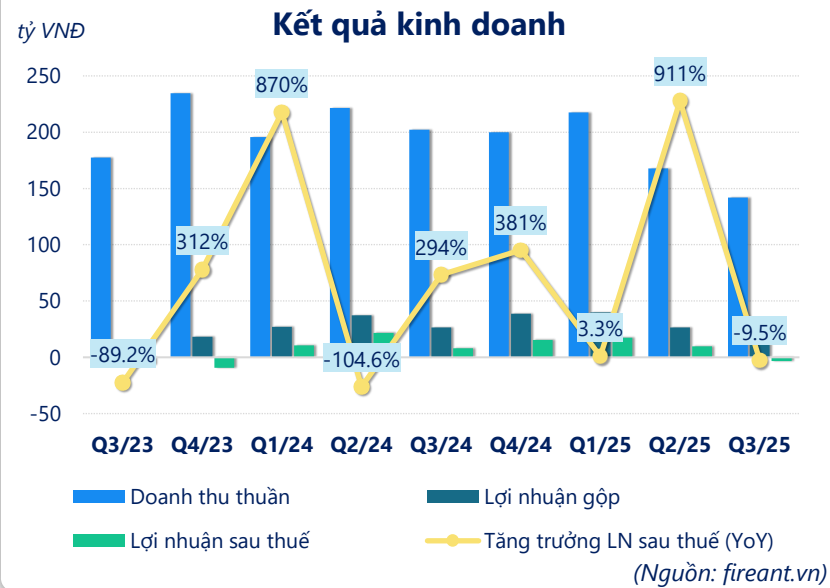
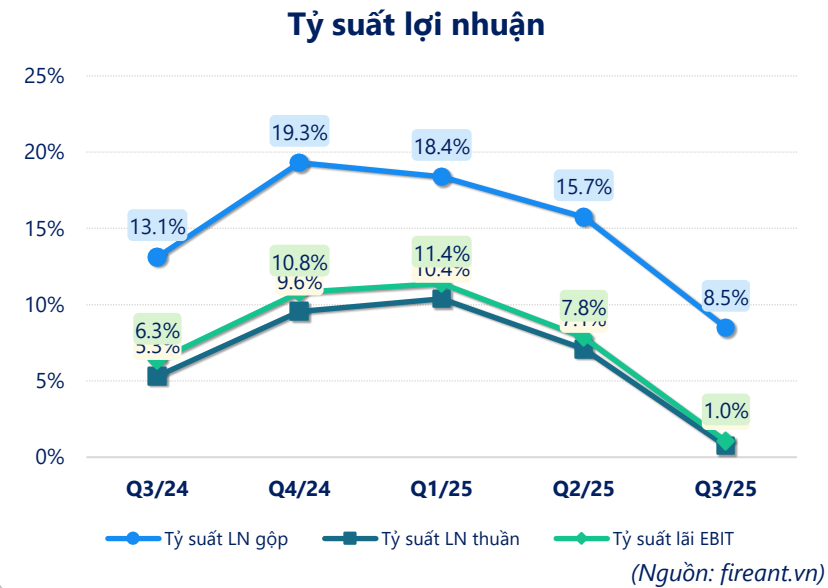
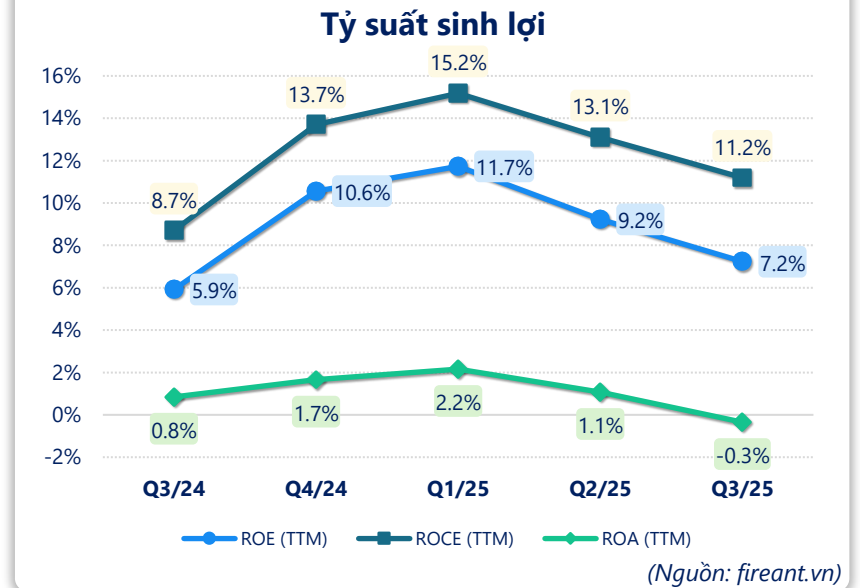
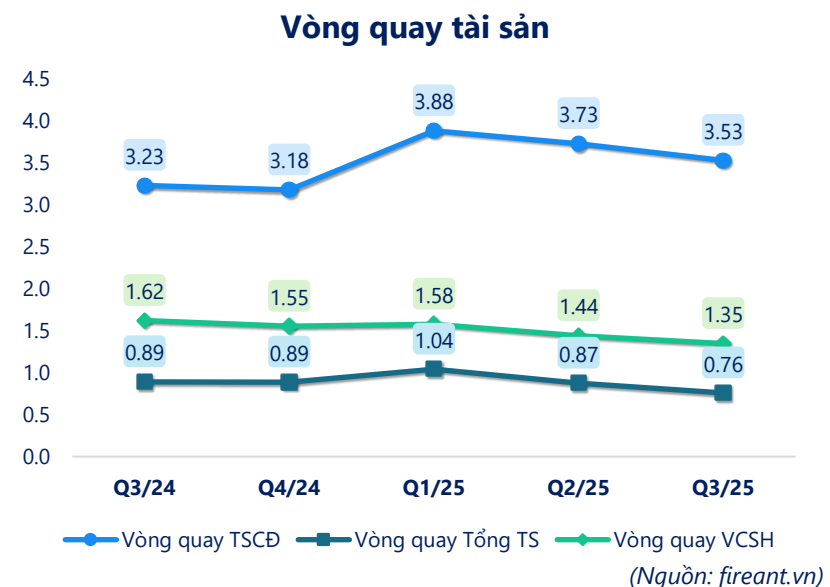
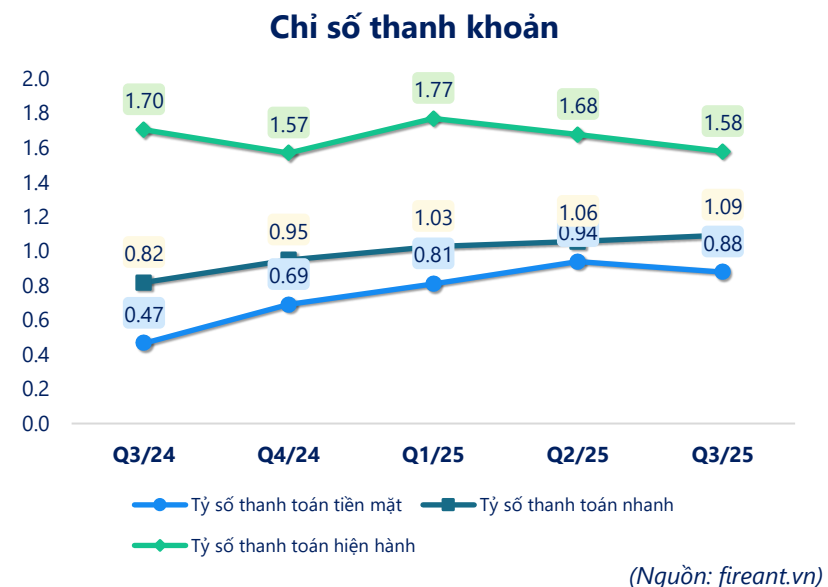
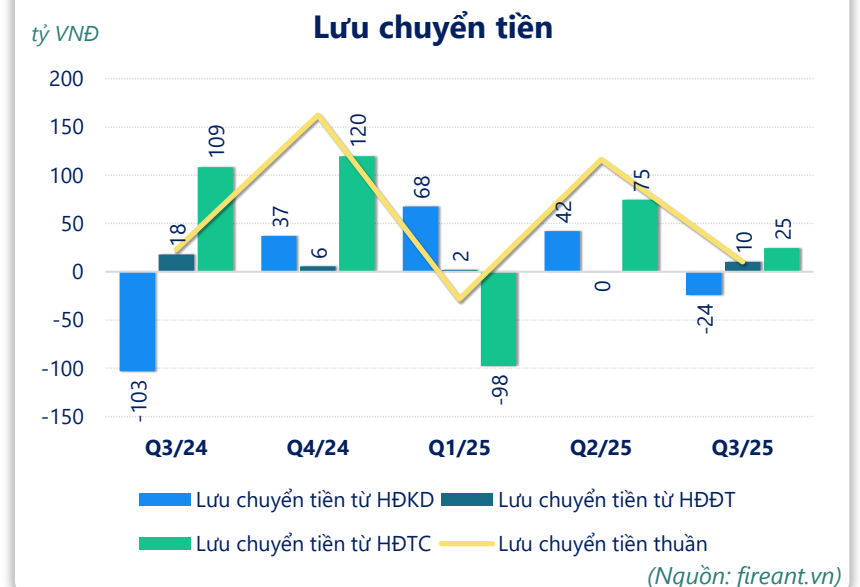


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,409
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,023
SL cổ phiếu LH		46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,460
% sở hữu nước ngoài		8.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		619
P/E		15.8
EPS		833

	YTD	1T	3T	6T
TKU	-10.9%	3.2%	-7.9%	-9.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,030	1,077	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	758	788	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	422	324	30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	99.2	72.9	36.0%
Hàng tồn kho	233	388	-40.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	3.17	11.4%
Tài sản dài hạn	272	289	-5.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	195	211	-7.9%
Bất động sản đầu tư	64.4	66.9	-3.8%
Tài sản dở dang	0.20	0.33	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.7	10.6	20.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	485	531	-8.7%
Nợ ngắn hạn	480	526	-8.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	369	364	1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	69.6	-73.4%
Nợ dài hạn	5.03	5.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	545	546	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	545	546	-0.2%
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	202	200	218	168	142
Giá vốn hàng bán	176	161	178	141	130
Lợi nhuận gộp	26.5	38.6	40.0	26.4	12.1
Doanh thu HĐTC	0.22	4.76	2.07	3.58	5.73
Chi phí TC	3.35	6.41	4.49	4.14	4.24
Chi phí lãi vay	2.08	3.04	3.25	2.82	2.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.99	7.84	4.03	4.36	2.54
Chi phí QLDN	8.65	10.0	11.0	9.56	9.95
LN thuần từ HĐKD	10.8	19.1	22.6	11.9	1.04
Lợi nhuận khác	-0.04	-0.53	-1.07	-1.57	-2.02
LN trước thuế	10.7	18.6	21.5	10.3	-0.98
Lợi nhuận sau thuế	8.13	15.3	17.4	9.66	-3.32
LNST của CĐ cty mẹ	8.13	15.3	17.4	9.66	-3.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-103	37.0	67.7	42.0	-24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.0	5.61	1.93	-0.18	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	109	120	-97.8	74.6	24.6
Tiền đầu kỳ	139	162	324	296	412
Lưu chuyển tiền thuần	23.3	162	-28.2	116	10.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.40	0.40
Tiền cuối kỳ	162	324	296	412	422

(Nguồn: fireant.vn)